

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 11 năm 2021

V/v: ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

- Các hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Nhất Luân

- Ông Thái Cao Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị ThA N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Võ Đăng T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn 2, xã Cam Hiệp Bắc, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị ThA N trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà N và ông T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Hiệp Bắc, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2012 ngày 20/7/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân ông T thường xuyên bài bạc, lấy tài sản gia đình đem bán đi, không chịu lo làm ăn, một mình bà N tự trang trải kinh tế, tự chăm sóc con cái. Bà N cố gắng góp ý thì ông T im lặng. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng không quan tâm và chia sẻ cùng nhau, suốt ngày kinh cãi, căng thẳng. Đến cuối năm 2015, hai bên sống ly thân, không liên lạc gì cho đến nay. Nay bà N không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông T có hai con chung là cháu Võ Phạm Tuyên V, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Võ Phạm Phương A sinh ngày 16/8/2015. Các cháu không có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần. Khi ly

hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Đăng T không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 10/6/2021 tại Công an xã Cam Hiệp Bắc, ông Võ Đăng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Cam Hiệp Bắc, huyện C, tỉnh Khánh Hòa và đang sinh sống, có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị ThA N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: TrA chấp về ly hôn giữa bà Phạm Thị ThA N và ông Võ Đăng T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 01/11/2021, ngày 19/11/2021; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà N và ông T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Cam Hiệp Bắc, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2012 ngày 20/7/2012; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ và không còn yêu thương nhau; vợ chồng đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Hai bên sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Bà N xác định không còn tình cảm đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà N được ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông T có hai con chung là cháu Võ Phạm Tuyên V, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Võ Phạm Phương A sinh ngày 16/8/2015. Các cháu đang sống với bà N và có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, ổn định về

người trực tiếp trông nom nên Hội đồng xét xử giao cháu V và cháu A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị ThA N được ly hôn với ông Võ Đăng T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Võ Phạm Tuyền V, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Võ Phạm Phương A sinh ngày 16/8/2015 cho bà Phạm Thị ThA N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Phạm Thị ThA N không yêu cầu ông Võ Đăng T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị ThA N và ông Võ Đăng T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Phạm Thị ThA N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008753 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Cam Hiệp Bắc;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

Bùi Thị Mỹ Hạnh